# 第七課
# 父母心　姐妹情

## Bài 7
## Tình chị em

■爸爸出差回來，買了兩個漂亮的音樂鐘，給小珍和姐姐當作禮物。

■小珍高興的帶回房間，不久，姐姐回來了，接著聽到姐姐摔東西的聲音，也聽到爸媽斥責的聲音，

■姐姐很生氣的說：「你們偏心，一定把好的音樂鐘給小珍，不好的才給我，哼！我才不稀罕！」說完，就跑回房間。

■小珍跑出房間，看到爸爸生氣而漲紅的臉，媽媽也很難過，默默的流著淚。

■ Ba đi công tác về, mua được 2 chiếc đồng hồ có nhạc rất xinh, cho 2 chị em Tiểu Trân làm quà.

■ Tiểu Trân vui vẻ đem vào phòng, không lâu sau, cô chị về, rồi nghe tiếng chị quăng vỡ đồ đạc, lại nghe thấy tiếng khiển trách của mẹ.

■ Cô chị nói trong cơn giận dữ : "Ba má không công bằng chút nào, nhất định là cho Tiểu Trân chiếc đồng hồ nhạc tốt nhất, chiếc xấu là để lại cho con, hừ! Con chẳng cần!" nói rồi. Bèn chạy thẳng vào phòng.

■ Tiểu Trân từ trong phòng chạy ra, thấy mặt ba đỏ lên, hiện rõ nét giận dữ, mẹ cũng buồn, từ từ rơi lệ.

■「 爸ㄅㄚ， 你ㄋㄧˇ不ㄅㄨˋ要ㄧㄠˋ生ㄕㄥ 氣ㄑㄧˋ好ㄏㄠˇ不ㄅㄨˋ好ㄏㄠˇ？ 」 小ㄒㄧㄠˇ珍ㄓㄣ說ㄕㄨㄛ 。

■「 她ㄊㄚ把ㄅㄚˇ禮ㄌㄧˇ物ㄨˋ摔ㄕㄨㄞ在ㄗㄞˋ地ㄉㄧˋ上ㄕㄤˋ， 怎ㄗㄣˇ能ㄋㄥˊ不ㄅㄨˋ令ㄌㄧㄥˋ我ㄨㄛˇ們ㄇㄣ˙生ㄕㄥ 氣ㄑㄧˋ呢ㄋㄜ˙？ 」 媽ㄇㄚ媽ㄇㄚ˙說ㄕㄨㄛ 。

■小ㄒㄧㄠˇ珍ㄓㄣ 撿ㄐㄧㄢˇ起ㄑㄧˇ音ㄧㄣ 樂ㄩㄝˋ鐘ㄓㄨㄥ， 看ㄎㄢˋ了ㄌㄜ˙看ㄎㄢˋ， 說ㄕㄨㄛ：「 媽ㄇㄚ， 這ㄓㄜˋ和ㄍㄣ˙爸ㄅㄚˋ爸ㄅㄚˋ送ㄙㄨㄥˋ給ㄍㄟˇ我ㄨㄛˇ的ㄉㄜ˙一ㄧˊ模ㄇㄛˊ一ㄧˊ樣ㄧㄤˋ啊ㄚ˙！ 」

■「 本ㄅㄣˇ來ㄌㄞˊ就ㄐㄧㄡˋ是ㄕˋ一ㄧˊ樣ㄧㄤˋ的ㄉㄜ˙啊ㄚ˙！ 不ㄅㄨˋ曉ㄒㄧㄠˇ得ㄉㄜ˙她ㄊㄚ在ㄗㄞˋ發ㄈㄚ什ㄕㄣˊ麼ㄇㄜ˙脾ㄆㄧˊ氣ㄑㄧˋ？ 」 爸ㄅㄚ爸ㄅㄚ˙接ㄐㄧㄝ著ㄓㄜ˙說ㄕㄨㄛ 。

■小ㄒㄧㄠˇ珍ㄓㄣ說ㄕㄨㄛ：「 我ㄨㄛˇ們ㄇㄣ˙去ㄑㄩˋ跟ㄍㄣ姐ㄐㄧㄝˇ姐ㄐㄧㄝˇ說ㄕㄨㄛ清ㄑㄧㄥ楚ㄔㄨˇ。 」

■ “ Ba, đừng giận nữa được không?” Tiểu Trân nói.

■ “ Nó lấy quăng dưới đất, làm sao khiến ba má không giận chứ?” mẹ nói.

■ Tiểu Trân nhặc lên chiếc đồng hồ nhạc, xem rồi nói: “Má, chiếc này giống y hệt chiếc của ba tặng con đó!”

■ “Vốn chỉ là một thứ như nhau thôi! không biết nó nổi nóng gì?” ba nói tiếp.

■ Tiểu Trân nói : “ Để mình đi nói rõ với chị ấy.”

■於是小珍牽著爸媽的手，進入房間裡對姐姐說：「姐，妳看！爸送的禮物是一樣的啊！」

■姐姐掀開棉被大聲說：「才怪！」

■「不然這個禮物送給妳。」小珍把音樂鐘交到姐姐手裡。

■當姐姐看到音樂鐘和她摔壞的一模一樣時，露出訝異的表情。

■她按了按音樂鐘，音樂鐘發出悅耳的聲音。啊！是「甜蜜的家庭」這首歌。

Rồi Tiểu Trân kéo lấy tay ba má, cùng đi vô phòng rồi nói với chị : "Chị ơi, chị xem món quà ba tặng chỉ là một thứ như nhau cả."

Cô chị kéo tấm chăn lên nói lớn : "mới lạ làm sao!"

"Không thôi thì món quà này tặng chị vậy." Tiểu Trân trao tay chị chiếc đồng hồ nhạc.

Khi chị thấy chiếc đồng hồ nhạc y như chiếc mà chị đã quăng hỏng , chị lộ vẻ kinh ngạc.

Cô chị ấn nút chiếc đồng hồ nhạc, phát ra âm thanh êm tai. A! đây là bài ca [gia đình hạnh phúc] đó.

■「 小珍 ， 我們一起聽吧 ！」姐姐的眼角泛著淚光 。

■媽媽趁機教導她們說 ：「 妳們是同胞手足 ， 應該相親相愛 。

■爸媽愛妳們的心都是一樣的 ， 從來就沒有忘記妳們 ， 爸爸還經常帶禮物送給妳們 。

■小珍妳要懂得尊敬姐姐 ，小美妳要懂得照顧妹妹 ，一家人和樂相處才會幸福 ， 怎麼可以讓爸媽煩惱 、 生氣呢 ？ 」

■ “ Tiểu Trân , chúng mình cùng nghe nhé!” Trong khoé mắt chị thấy ửng lên ánh lệ.

■ Mẹ thừa cơ dạy bảo : “Các con là chị em ruột thịt cả, cần phải tương thân tương ái.

■ Lòng thương yêu của ba má đối với các con đều như nhau cả, không bao giờ bỏ quên các con, ba lại thường mua quà về cho các con.

■ Tiểu Trân con phải biết kính trọng chị, Tiểu Mỹ, con phải biết chăm sóc đến em, một gia đình hòa thuận với nhau mới hạnh phúc, tại sao phải làm cho ba má buồn phiền, tức giận chứ?”

■「 爸、媽，對不起！我保證以後不會再這樣子了！」姐姐羞愧的低著頭說。

■此時， 爸媽臉上露出欣慰的笑容， 緊緊的抱住她們姐妹倆。

■ “ Xin lỗi ba má! Con hứa với ba má sau này con không làm vậy nữa!” cô chị hổ thẹn cuối đầu nói.

■ Giờ đây trên khuôn mặt ba má lộ vẻ cười yên tâm, vui vẻ, ôm chặt lấy hai chị em.

| | |
|---|---|
| 小ㄒㄧㄠˇ珍ㄓㄣ | Tiểu Trân |
| 房ㄈㄤˊ間ㄐㄧㄢ | Phòng |
| 偏ㄆㄧㄢ 心ㄒㄧㄣ | Không công bằng |
| 漲ㄓㄤˋ紅ㄏㄨㄥˊ | Trương đỏ |
| 默ㄇㄛˋ默ㄇㄛˋ | Lặng lẽ – Im lặng |
| 一ㄧˋ模ㄇㄛˊ一ㄧˊ樣ㄧㄤˋ | Một thứ như nhau |
| 不ㄅㄨˋ曉ㄒㄧㄠˇ得ㄉㄜˊ | Không hiểu được |
| 訝ㄧㄚˋ異ㄧˋ | Kinh ngạc |
| 悅ㄩㄝˋ耳ㄦˇ | Êm tai |
| 甜ㄊㄧㄢˊ蜜ㄇㄧˋ | Ngọt ngào |
| 這ㄓㄜˋ首ㄕㄡˇ歌ㄍㄜ | Bài ca này |
| 一ㄧˋ起ㄑㄧˇ聽ㄊㄧㄥ吧ㄅㄚ | Cùng nghe chung |
| 眼ㄧㄢˇ角ㄐㄧㄠˇ | Khoé mắt |
| 泛ㄈㄢˋ著ㄓㄜ | Ửng lên |
| 淚ㄌㄟˋ光ㄍㄨㄤ | Ánh Lệ |
| 同ㄊㄨㄥˊ胞ㄅㄠ 手ㄕㄡˇ足ㄗㄨˊ | Anh em ruột thịt |
| 忘ㄨㄤˋ記ㄐㄧˋ | Quên |
| 尊ㄗㄨㄣ敬ㄐㄧㄥˋ | Kính trọng |
| 照ㄓㄠˋ顧ㄍㄨˋ | Chăm sóc |
| 妹ㄇㄟˋ妹ㄇㄟ | Chị em |
| 煩ㄈㄢˊ惱ㄋㄠˇ | Buồn phiền |